

Bản án số: 03/2020/HS-ST
Ngày: 19-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

Bà Lê Kim T1.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Êm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh T - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1994, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: ấp L, xã L B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N1 và bà N2; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: 01 lần, theo Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã số 78/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2019, Ủy ban nhân dân xã L B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, thời gian 03 tháng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị bắt, tạm giam: ngày 04 tháng 10 năm 2019; có mặt.

2. Nguyễn Hoàng Q, sinh năm 1986, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: khóm 1, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở: ấp A B, xã L A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông C và bà S; có vợ và 01 con; tiền án: không; tiền sự: 01 lần, theo Quyết định Xử phạt vi phạm hành chính số 58/QĐ-XPVPHC ngày 10 tháng 4 năm 2019, Công an xã L B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, phạt tiền 1.500.000 đồng, về hành vi trộm cắp tài sản; nhân thân: Bản án số

31/2014/HSST ngày 25 tháng 9 năm 2014 của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xử phạt 01 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”, Bản án số 30/2019/HSST ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xử phạt 09 tháng tù về “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; bị bắt, tạm giam: ngày 04 tháng 10 năm 2019; có mặt.

3. Trần S2 Anh, sinh năm 1997, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: ấp L, xã L B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S2 và bà Nguyễn Thị Kiều; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: 01 lần theo Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã số 94/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2019, Ủy ban nhân dân xã L B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, thời gian 03 tháng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị bắt, tạm giam: ngày 11 tháng 11 năm 2019; có mặt.

4. Mao Văn T3 (còn có tên là Bu), sinh năm 1979, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: khóm A A, phường An Lộc, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mao Văn Mạnh và bà Nguyễn Thị Bé; có vợ và 01 con; tiền án: không; tiền sự: 01 lần, theo Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 21/2017/QĐ-TA ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, thời gian 12 tháng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; nhân thân: Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường số 16A/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2017, Ủy ban nhân dân phường An Lộc, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp, thời gian 03 tháng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị bắt, tạm giam: ngày 11 tháng 11 năm 2019; có mặt.

5. Lê Hoàng S2 (còn có tên là S2 Cẩm), sinh năm 1988, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: khóm 2, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Cẩm và bà Huỳnh Thị Men; có vợ và 02 con; tiền án: không; tiền sự: 02 lần, theo Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 26/QĐ-TA ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, thời gian 12 tháng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường số 27/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân phường An Lộc, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp, thời gian 03 tháng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; nhân thân: Bản án số 139/2005/HS-PT ngày 19 tháng 12 năm 2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, xử phạt 08 tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”, chấp hành xong ngày 09 tháng 9 năm 2006, Bản án số 15/2009/HSST ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xử

phạt 01 năm 06 tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”, chấp hành xong ngày 29 tháng 12 năm 2010, Bản án số 40/2014/HSST ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xử phạt 01 năm 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 24 tháng 4 năm 2016; bị bắt, tạm giam: ngày 11 tháng 11 năm 2019; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Hồ Thanh H, sinh năm 1974; nơi cư trú: ấp L, xã L B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

2. Nguyễn Thanh T (còn có tên là N3), sinh năm 1973; nơi cư trú: ấp L, xã L B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

3. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1940; nơi cư trú: ấp A B, xã L A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Đinh Văn Sĩ, sinh năm 1982; nơi cư trú: khóm 4, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Người làm chứng Lê Văn H1, Lê Văn H2, Trần Văn S1, Lương Thị Kim T2 (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 22 tháng 8 năm 2019, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Hoàng Q và Trần S2 Anh rủ nhau đi bắt ếch, nhưng mục đích là tìm tài sản để trộm. Lúc này, Q và N cùng đi, còn Trần S2 Anh ở lại nhà của Q đợi khi nào trộm được tài sản lấy xe đi tiêu thụ. Đến khoảng 04 giờ ngày 23 tháng 8 năm 2019, N phát hiện trại gà của anh Hồ Thanh H (ở ấp L, xã L B) có nhiều gà trống, không khóa cửa, không người trông giữ, nên N kêu Q vào trộm gà. Q đồng ý, N kéo cửa rào, cả hai vào trộm 09 con gà, 05 cái giỏ đệm, để gà vào giỏ rồi mang về nhà Q. Khi về đến nhà Q, N kêu S2 Anh thức dậy và nói đã trộm được gà, lấy xe chở về nhà N. Sau đó, N lấy 2 con gà bỏ vào 01 giỏ xách đệm rồi đưa Q. Q lấy xe của S2 Anh chạy qua bán cho Mao Văn T3 (ở khóm A A, phường An Lộc, thị xã H). Lúc này, tại nhà T3 có Lê Hoàng S2 là người giúp việc chăm sóc gà cho T3 và cả hai đều biết là gà do Q trộm. Q nói còn nữa, nên T3 kêu về mang hết qua. Sau đó, Q về chở N cùng 06 con gà qua bán cho T3, còn 01 con N giữ lại. Khi đến nhà T3, N và Q kêu bán giá 1.000.000 đồng/1con gà, như vậy 08 con gà là 8.000.000 đồng. Do T3 biết gà trộm nên chỉ trả giá 4.000.000 đồng. Q và N đồng ý bán. T3 trả trước 2.000.000 đồng, số tiền còn lại hẹn chiều đá gà thắng sẽ trả đủ. Khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 23 tháng 8 năm 2019, anh Hồ Thanh H phát hiện bị mất trộm gà nên trình báo cơ quan Công an.

Ngoài ra, N, Q và S2 Anh còn khai nhận các lần trộm trước như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 23 giờ ngày 16 tháng 8 năm 2019, trộm 03 con gà của anh Nguyễn Thanh T (ở ấp L, xã L B) bán cho Mao Văn T3 được 900.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào khoảng 23 giờ ngày 18 tháng 8 năm 2019, trộm 01 con gà của anh Nguyễn Văn T1 (ở ấp A B, xã L A) đem bán cho T3, nhưng T3 không mua, N đem về nuôi.

Quá trình điều tra N, Q, S2 Anh, T3 thừa nhận hành vi của mình. Riêng S2 khai nhận biết gà N, Q bán cho T3 là gà có được từ việc trộm, không trực tiếp mua, mà khi T3 mua gà giao lại để chăm sóc và đem đá để hưởng lợi, đã nhận 200.000 đồng và một con gà.

Đối với số tiền 2.900.000 đồng các bị cáo bán gà thu được, chia cho S2 Anh 800.000 đồng, trả lại cho T3 1.000.000 đồng. Còn lại 1.100.000 đồng, N, Q giữ lại tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ:

- 05 cái giỏ xách đệm, 09 con gà trống. Cơ quan điều tra ra quyết định xử lý vật chứng, đã trao trả lại chủ sở hữu hợp pháp Hồ Thanh H.

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 66H1-323.73 nhãn hiệu AIR BLADE, màu sơn đỏ đen, không kiểm tra được chất lượng bên trong xe, đã qua sử dụng; 01 (một) cái đèn pin, màu đen cam, bị hỏng công tắc, đã qua sử dụng; 01 (một) cái đèn pin, màu xanh vàng, đã qua sử dụng; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 025693. Xe do anh Đinh Văn Sĩ đứng tên chủ sở hữu. Anh Sĩ bán lại cho S2 Anh, chưa làm thủ tục S2 tên.

Căn cứ vào 03 Bản kết luận định giá tài sản số 12/KLHĐĐGTS-TTHS ngày 30 tháng 8 năm 2019, 14/KLHĐĐGTS-TTHS ngày 21 tháng 9 năm 2019 và 17/KLHĐĐGTS-TTHS ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H, thì: Tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt gồm 13 con gà trị giá 3.528.000 đồng và 05 giỏ xách đệm trị giá 125.000 đồng, tổng cộng 3.653.000 đồng.

Tại Cáo trạng truy tố số 02/CT-VKSHN ngày 06 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 323, Điều 17, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS) tuyên bố các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản và tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Xử phạt các bị cáo: Nguyễn Hoàng N từ 09 đến 12 tháng tù, Nguyễn Hoàng Q từ 09 đến 12 tháng tù, Trần S2 Anh từ 06 đến 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; Mao Văn T3 từ 06 đến 09 tháng tù, Lê Hoàng S2

từ 06 đến 09 tháng từ về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Rút lại phần tài sản chiếm đoạt của 02 bị cáo N và S2 Anh đối với 02 lần trộm của bị hại T và T1 trị giá 720.000 đồng, chỉ giữ lại truy tố đối với tài sản chiếm đoạt của anh H trị giá 2.933.000 đồng.

Về vật chứng, Căn cứ Điều 47 BLHS, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Đề nghị tịch thu sung ngân sách 01 (một) xe mô tô biển số 66H1-323.73 nhãn hiệu: AIR BLADE, màu sơn: đỏ đen, đã qua sử dụng (kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 025693); Tiêu hủy 01 (một) cái đèn pin, màu đen cam, bị hỏng công tắc; 01 (một) cái đèn pin, màu xanh vàng, đã qua sử dụng, có giá trị không lớn. Buộc Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Hoàng Q liên đới nộp lại: 1.100.000 đồng; Trần S2 Anh nộp lại 800.000 đồng; Mao Văn T3 nộp lại: 1.000.000 đồng. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Về dân sự: không phát sinh nên không đề cập đến.

Ý kiến bào chữa, lời nói sau cùng của các bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo N xin giảm nhẹ hình phạt, đề nghị được phạt cải tạo không giam giữ. Bị cáo Q biết ăn năn hối cải xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo S2 Anh biết lỗi, xin giảm nhẹ hình phạt và xin được trả lại chiếc xe. Bị cáo T3 biết sai, ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo S2 xin giảm nhẹ hình phạt để về chăm sóc con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đã chứng minh được:

[3] Tất cả các bị cáo đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Các bị cáo có hành vi trộm cắp tài sản thừa nhận các vai trò cụ thể như sau: Nguyễn Hoàng N là người rủ rê và cũng là người thực hành cùng với Nguyễn Hoàng Q trực tiếp trộm cắp tài sản; Trần S2 Anh là người giúp sức và thực hành giữ vai trò cho mượn phương tiện là xe mô tô và trực tiếp chở đồng phạm đến địa điểm tìm tài sản để trộm. Tài sản các bị cáo trộm cắp có tổng giá trị là 3.653.000

đồng. Trong đó, 02 bị cáo N và S2 Anh chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên Kiểm sát viên rút lại phần tài sản chưa đủ định lượng của 02 lần trộm trị giá 720.000 đồng là phù hợp.

[5] 02 bị cáo có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có thừa nhận vai trò cụ thể như sau: Cả 02 bị cáo T3 và S2 đều biết gà của Q, N bán là gà trộm được nhưng vẫn mua để tiêu thụ. Mao Văn T3 là người chủ mưu và cũng là người thực hành cùng với Lê Hoàng S2 mua và sử dụng tài sản do người khác phạm tội mà có, cụ thể là dùng những con gà đã mua để sử dụng vào mục đích đánh bạc bằng hình thức đá gà; Lê Hoàng S2 là người giúp sức giữ vai trò chăm sóc gà cho bị cáo T3, nói dối tự mình mua gà để nhận tội cho T3, mang gà đi đánh bạc, nhận tiền khi gà đá thắng.

[6] Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Hoàng Q và Trần S2 Anh là đồng phạm phạm tội trộm cắp tài sản; các bị cáo Mao Văn T3, Lê Hoàng S2 là đồng phạm phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[7] BLHS quy định:

“Điều 17. Đồng phạm

1. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm...

3. Người đồng phạm bao gồm người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức.

Người thực hành là người trực tiếp thực hiện tội phạm.

Người tổ chức là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm...”

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm ...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

“Điều 323. Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có

1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến

100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[8] Đối với hành vi đánh bạc của bị cáo T3 và S2, cơ quan điều tra chưa chứng minh được tội phạm nên không đề cập đến.

[9] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[10] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

[11] Các bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là tiếp tay cho hành vi phạm tội khác nên pháp luật nghiêm cấm và chế tài. Các bị cáo có lỗi cố ý trực tiếp và đã thực hiện tội phạm hoàn thành. Trong vụ án này, các bị cáo là đồng phạm giản đơn, chưa có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm; Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 58 BLHS. Hành vi của các bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang lo lắng; là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng, cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Bị cáo N xin được cải tạo không giam giữ nhưng xét thấy bị cáo có vai trò chủ mưu, vai trò quan trọng trong vụ án nên cần thiết phải cách ly bị cáo mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[12] Về nhân thân, tiền án, tiền sự: 02 bị cáo Nguyễn Hoàng N và Trần S2 Anh đều có 01 tiền sự. Bị cáo Mao Văn T3 có 01 tiền sự và đã từng có 01 tiền sự. Bị cáo Nguyễn Hoàng Q có 01 tiền sự, từng có 02 tiền án. Bị cáo Lê Hoàng S2 có 02 tiền sự, từng có 03 tiền án.

[13] Viện kiểm sát không xác định tiền sự mà xác định nhân thân đối với 02 bị cáo T3 và S2 chưa chính xác, bởi vì: Bị cáo Mao Văn T3 bị Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 21/2017/QĐ-TA ngày 13 tháng 10 năm 2017, thời gian 12 tháng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo Lê Hoàng S2 bị Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 26/QĐ-TA ngày 09 tháng 10 năm 2018, thời gian 12 tháng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Tại khoản 2 Điều 7 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: “Cá nhân

bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, nếu trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc 01 năm kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính mà không tái phạm thì được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính”. Tại phiên tòa, cả 02 bị cáo đều thừa nhận đã chấp hành xong Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Tòa án. Do vậy, 02 lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính của 02 bị cáo T3 và S2 phải xác định là tiền sự mới chính xác.

[14] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Q có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản, nên cả 03 lần trộm đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, phải áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS; Viện kiểm sát không xác định tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự này là thiếu sót. Các bị cáo còn lại không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[15] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Hoàng N, Trần S2 Anh và Mao Văn T3 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (Viện kiểm sát không xem xét tình tiết giảm nhẹ này cho T3 là thiếu sót); cả 05 bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Bị cáo S2 có cha là Lê Văn Cẩm tham gia cách mạng tại chiến trường Campuchia từ năm 1978 đến năm 1982, về tham gia sinh hoạt với Hội Cựu chiến binh, Chi hội khóm 2, phường A, thị xã H nên xem xét là tình tiết giảm nhẹ khác cho S2 theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS. Căn cứ vào các tình tiết vừa nêu để giảm nhẹ cho các bị cáo khi quyết định hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[16] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có nghề nghiệp làm thuê, điều kiện kinh tế thu nhập không ổn định, số tiền chiếm đoạt không lớn nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

[17] Về trách nhiệm dân sự: Không có phát sinh nên không xem xét.

[18] Về xử lý vật chứng, tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm: Tại phiên tòa, bị cáo S2 Anh đề nghị trả lại chiếc xe cho bị cáo. Xét thấy, chiếc xe bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên Viện kiểm sát đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước là phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 BLHS nên chấp nhận. Ngoài ra, tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận số tiền thu lợi bất chính có được từ việc phạm tội của từng bị cáo như sau: N 750.000 đồng, Q 650.000 đồng, S2 Anh 800.000 đồng, T3 1.000.000 đồng, S2 200.000 đồng và thống nhất nộp lại sung quỹ Nhà nước, nên buộc các bị cáo phải nộp lại sung quỹ Nhà nước theo điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS.

[19] Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 17, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng N phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 10 năm 2019.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 173, Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng Q phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Q 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 10 năm 2019.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 17, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Tuyên bố: Bị cáo Trần S2 Anh phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần S2 Anh 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11 tháng 11 năm 2019.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, Điều 17, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Tuyên bố: Bị cáo Mao Văn T3 phạm “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt bị cáo Mao Văn T3 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11 tháng 11 năm 2019.

5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Tuyên bố: Bị cáo Lê Hoàng S2 phạm “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng S2 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11 tháng 11 năm 2019.

6. Căn cứ vào khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử lý vật chứng, tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm:

6.1. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cái đèn pin, màu đen cam, bị hỏng công tắc; 01 (một) cái đèn pin, màu xanh vàng, đã qua sử dụng.

6.2. Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe mô tô biển số 66H1-323.73, nhãn hiệu AIR BLADE, màu sơn đỏ đen, số máy: JF63E2122489, số khung: 6315HZ020357, xe đã qua sử dụng (theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 025693, mang tên Đinh Văn Sĩ).

(Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý theo Biên bản Về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07 tháng 01 năm 2020).

6.3. Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng N nộp ngân sách Nhà nước khoản thu lợi bất chính số tiền 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

6.4. Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Q nộp ngân sách Nhà nước khoản thu lợi bất chính số tiền 650.000 (Sáu trăm năm mươi nghìn) đồng.

6.5. Buộc bị cáo Trần S2 Anh nộp ngân sách Nhà nước khoản thu lợi bất chính số tiền 800.000 (Tám trăm nghìn) đồng.

6.6. Buộc bị cáo Mao Văn T3 nộp ngân sách Nhà nước khoản thu lợi bất chính số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng.

6.7. Buộc bị cáo Lê Hoàng S2 nộp ngân sách Nhà nước khoản thu lợi bất chính số tiền 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

7. Về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí, lệ phí tòa án kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Hoàng Q, Trần S2 Anh, Mao Văn T3 và Lê Hoàng S2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19 tháng 02 năm 2020). Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú